UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: **454** /BC-SNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 9 năm 2019

BÁO CÁO CẬP NHẬT TÌNH HÌNH BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Báo cáo đến 16 giờ ngày 17/9/2019)

TT	Đơn vị	Ngày phát hiện bệnh, nghi bệnh đầu tiên	Ngày có ca bệnh mới/cuối cùng	Số ngày không có ca bệnh mới	Số thôn có dịch		Số hộ có dịch		Số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy phát sinh trong ngày báo cáo										Lũy kế mắc bệnh, chết và tiêu hủy đến ngày báo cáo										Trọng lượng tiêu hủy (kg)	Kết quả hoạt động phòng, chống dịch			
									Số mắc bệnh					Số tiêu hủy					Số mắc bệnh					Số tiêu hủy									
									Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó					Hóa chất (lít)	Vôi bột (tấn)	Chốt kiểm dịch tạm thời	Tổ cơ động
					T.kỳ	Lũy kế	T.kỳ	Lũy kế		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con					
Tổng cộng		**114 xã**	**xã**		**13**	**550**	**84**	**2,483**	**483**	**88**	**2**	**230**	**163**	**483**	**88**	**2**	**230**	**163**	**20,288**	**2,542**	**62**	**11,505**	**6,179**	**20,288**	**2,542**	**62**	**11,505**	**6,179**	**992,792**	**11,479**	**110**	**75**	
I	***H. Chiêm Hóa***	***20 xã***			***2***	***49***	***6***	***138***	***173***	***20***	***2***	***91***	***60***	***173***	***20***	***2***	***91***	***60***	***1,546***	***118***	***3***	***1,169***	***256***	***1,546***	***118***	***3***	***1,169***	***256***	***64,474***	***1,795***	***2***		
	Vinh Quang	21/5/2019	19/7/2019	**60**		6		13											430	6		419	5	430	6		419	5	20,823	198	2.0		
2	Tân Mỹ	28/5/2019	27/6/2019	**82**		4		9											94	6		67	21	94	6		67	21	2,894	54			
3	Yên Nguyên	28/5/2020	28/5/2019	**112**		2		2											21			21		21			21		1,072	66			
4	Tri Phú	29/5/2019	29/5/2019	**111**		1		2											47	6		41		47	6		41		3,560	45			
5	Phúc Sơn	31/5/2019	09/9/2019	8		5		8											55	6		49		55	6		49		2,346	48			
6	TT Vĩnh Lộc	05/6/2019	12/9/2019	5	1	2	1	2	138	18	2	58	60	138	18	2	58	60	143	20	2	61	60	143	20	2	61	60	6,820.5	69			
7	Hùng Mỹ	19/6/2019	22/8/2019	26		1		5											54	7		10	37	54	7		10	37	1,232	42			
8	Hòa Phú	03/7/2019	03/7/2019	**76**		1		1											6			6		6			6		636	120			
9	Tân An	19/7/2019	13/9/2019	4		4	1	42	12	1		11		12	1		11		282	39		158	85	282	39		158	85	8,726	88			
10	Xuân Quang	22/7/2019	27/8/2019	21		2		4											44	1		43		44	1		43		1,775	48			
11	Phúc Thịnh	31/7/2019	12/9/2019	5		3		13											122	11		87	24	122	11		87	24	5,091	55			
12	Ngọc Hội	01/8/2019	15/8/2019	**33**		3		5											35	2		33		35	2		33		1,479	45			
13	Linh Phú	06/8/2019	14/9/2019	3		5	3	11	19	1		18		19	1		18		76	7		62	7	76	7		62	7	3,074.2	40			
14	Kiên Đài	23/8/2019	30/8/2019	18		2		7											53	2	1	50		53	2	1	50		1,993	94			
15	Minh Quang	27/8/2019	26-31/8/2019	17		3		6											17	1		16		17	1		16		428	220			
16	Bình Phú	30/8/2019	08/9/2019	9		1		4											26	2		15	9	26	2		15	9	649	74			
17	Yên Lập	04/9/2019	04/9/2019	13		1		1											11			11		11			11		570	111			
18	Hòa An	14/9/2019	14/9/2019	1		1		1											5			5		5			5		157.5	123			
19	Nhân Lý	14/9/2019	14/9/2019	1		1		1											21	2		11	8	21	2		11	8	1,062.5	90			
20	Trung Hòa	14/9/2019	14/9/2020	3	1	1	1	1	4			4		4			4		4			4		4			4		85.5	165			
II	***H. Sơn Dương***	***29 xã***		1	***4***	***143***	***13***	***405***	***65***	***11***		***16***	***38***	***65***	***11***		***16***	***38***	***4,963***	***479***	***12***	***2,910***	***1,562***	***4,963***	***479***	***12***	***2,910***	***1,562***	***274,983***	***1,175***	***60.2***	***33***	
1	Thiện Kế	24/5/2019	31/8/2019	17		10		71											1,293	129	2	629	533	1,293	129	2	629	533	73,858	78	7	2	

TT	Đơn vị	Ngày phát hiện bệnh, nghi bệnh đầu tiên	Ngày có ca bệnh mới/cuối cùng	Số ngày không có ca bệnh mới	Số thôn có dịch		Số hộ có dịch		Số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy phát sinh trong ngày báo cáo										Lũy kế mắc bệnh, chết và tiêu hủy đến ngày báo cáo										Trọng lượng tiêu hủy (kg)	Kết quả hoạt động phòng, chống dịch			
									Số mắc bệnh					Số tiêu hủy					Số mắc bệnh					Số tiêu hủy									
									Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó								
					T.kỳ	Lũy kế	T.kỳ	Lũy kế		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Hóa chất *(lít)*	Vôi bột *(tấn)*	Chốt kiểm dịch tạm thời	Tổ cơ động
	Sơn Nam	25/5/2019	05/9/2019	12		13		20											316	46	1	143	126	316	46	1	143	126	18,700	41	3	1	
3	Văn Phú	30/5/2019	15/9/2019	2		4		6											57	4		53		57	4		53		3,365	101	5.05	5	
4	Hợp Thành	30/5/2019	30/8/2019	18		6		11											188	18	1	95	74	188	18	1	95	74	9,739	27	1.5	1	
5	Hào Phú	31/5/2019	28/7/2019	**51**		6		9											45	10		29	6	45	10		29	6	3,285	10	0.55	3	
6	Đại Phú	01/6/2019	11/9/2019	6		10		22											278	18		215	45	278	18		215	45	13,924	200	7	1	
7	Ninh Lai	01/6/2019	30/7/2019	**49**		7		17											239	15	1	189	34	239	15	1	189	34	11,713	180	6	1	
8	Hồng Lạc	04/6/2019	28/6/2019	**81**		3		3											38	1		25	12	38	1		25	12	942	10	0.50		
9	Trung Yên	03/6/2019	14/9/2019	3		6		13											136	7	3	93	33	136	7	3	93	33	6,511	27	1.83	2	
10	Phú Lương	05/6/2019	09/6/2019	**100**		3		3											16			16		16			16		546	20	1.0		
11	Quyết Thắng	07/6/2019	16/9/2019	1	1	5	2	29	6	1		5		6	1		5		285	18		196	71	285	18		196	71	13,872	61	2.0	3	
12	Vĩnh Lợi	08/6/2019	17/9/2019	0		14	4	78	5	5				5	5				450	69	2	240	139	450	69	2	240	139	29,752	74	8.140	2	
13	Chi Thiết	08/6/2019	16/9/2019	1	1	6	1	9	21				21	21				21	125	25	1	29	70	125	25	1	29	70	7,927	10	2	2	
14	Thượng Ấm	10/6/2019	07/9/2019	10		8		15											149	6		139	4	149	6		139	4	9,473	52	1.15	2	
15	Tú Thịnh	13/6/2019	16/9/2019	1		3	2	18	14	1		1	12	14	1		1	12	252	24		165	63	252	24		165	63	17,636	58	5.2	4	
16	Tuân Lộ	17/6/2019	16/9/2019	**1**	1	3	1	5	1	1				1	1				123	6		73	44	123	6		73	44	4,282	24	1.38	2	
17	Minh Thanh	19/6/2019	15/9/2019	2		7	1	17	1	1				1	1				127	15		86	26	127	15		86	26	6,910	27	2.05		
18	Bình Yên	19/6/2019	12/7/2019	**67**		2		3											20	2		9	9	20	2		9	9	912	30	0.05	1	
19	Tam Đa	22/6/2019	19/7/2019	**60**		1		4											36	3		23	10	36	3		23	10	1,066	16	0.30	1	
20	Vân Sơn	26/6/2019	26/6/2019	**83**		1		1											17			17		17			17		1,104	12	0.50		
61	Hợp Hòa	01/7/2019	08/9/2019	9		6		13											428	21	1	250	156	428	21	1	250	156	19,500	63	2.15		
22	Lâm Xuyên	05/7/2019	05/7/20019	**74**		1		2											2	2				2	2				620	5	0.20		
23	Lương Thiện	19/7/2019	30/7/2019	**49**		2		4											26	4		5	17	26	4		5	17	1,019	5	0.50		
24	TT Sơn Dương	19/7/2019	13/9/2019	4		3		4											23	2		10	11	23	2		10	11	1,271	8	2.00		
25	Tân Trào	30/7/2019	19/8/2019	29		2		3											44	3		41		44	3		41		3,254	5	0.92		
26	Thanh Phát	03/8/2019	04/9/2019	13		2		3											30	2		20	8	30	2		20	8	1,764	6	0.70		
27	Đồng Quý	05/8/2019	09/9/2019	8		1		9											122	14		42	66	122	14		42	66	6,114	12	2.07		
28	Phúc Ứng	27/8/2019	16/9/2019	1	1	3	2	6	17	2		10	5	17	2		10	5	78	7		66	5	78	7		66	5	3,762	7	0.49		
29	Đông Thọ	31/8/19	09/9/19	8		5		7											20	8		12		20	8		12		2,162	6	2.08		
III	***H. Hàm Yên***	***15 xã***		**1**	***1***	***86***	***4***	***257***	***24***	***3***		***21***		***24***	***3***		***21***		***1,926***	***177***	***3***	***1,471***	***275***	***1,926***	***177***	***3***	***1,471***	***275***	***81,533***	***2,971***	***12.7***	***1***	
1	Đức Ninh	23/5/2019	14/9/2019	3		12		35											323	36		236	51	323	36		236	51	14,170		1.00		

TT	Đơn vị	Ngày phát hiện bệnh, nghi bệnh đầu tiên	Ngày có ca bệnh mới/cuối cùng	Số ngày không có ca bệnh mới	Số thôn có dịch		Số hộ có dịch		Số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy phát sinh trong ngày báo cáo										Lũy kế mắc bệnh, chết và tiêu hủy đến ngày báo cáo										Trọng lượng tiêu hủy (kg)	Kết quả hoạt động phòng, chống dịch			
									Số mắc bệnh					Số tiêu hủy					Số mắc bệnh					Số tiêu hủy						Hóa chất (lít)	Vôi bột (tấn)	Chốt kiểm dịch tạm thời	Tổ cơ động
									Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó								
					T.kỳ	Lũy kế	T.kỳ	Lũy kế		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con					
2	Thái Sơn	26/5/2019	03/9/2019	14		6		13											186	16	1	159	10	186	16	1	159	10	8,687				
3	Tân Thành	26/5/2019	06/6/2019	**102**		1		6											97	3		86	8	97	3		86	8	2,261				
4	Thái Hòa	31/5/2019	26/8/2019	22		10		21											174	17		134	23	174	17		134	23	8,607				
5	Phù Lưu	04/6/2019	14/9/2019	3		16		40											225	16		155	54	225	16		155	54	9,326				
6	Hùng Đức	04/6/2019	12/9/2019	5		12		50											349	31		264	54	349	31		264	54	12,804				
7	Yên Thuận	04/6/2019	15/9/2019	2		5		41											192	21		122	49	192	21		122	49	7,593				
8	Nhân Mục	19/6/2019	05/7/2019	**74**		2		7											64	5		59		64	5		59		4,687				
9	TT Tân Yên	24/6/2019	10/9/2019	7		4		7											83	8		75		83	8		75		3,102				
10	Minh Dân	10/7/2019	24/7/2019	**55**		1		2											28	1		17	10	28	1		17	10	1,098				
11	Minh Hương	21/8/2019	16/9/2019	1	1	9	3	19	21	3		18		21	3		18		108	15		86	7	108	15		86	7	5,134				
12	Thành Long	27/8/2019	16/9//2019	1		3	1	7	3			3		3			3		42	4		31	7	42	4		31	7	1,694				
13	Bạch Xa	03/9/2019	08-9/9/2019	8		2		5											25	1	2	22		25	1	2	22		1,183				
14	Yên Lâm	06/9/2019	10/9/2019	7		2		3											14	3		9	2	14	3		9	2	396				
15	Yên Phú	12/9/2019	12/9/2019	5		1		1											16			16		16			16		791				
IV	***H. Yên Sơn***	***28 xã***		1	***5***	***145***	***29***	***1,057***	***114***	***24***		***66***	***24***	***114***	***24***		***66***	***24***	***8,476***	***1,256***	***29***	***4,031***	***3,160***	***8,476***	***1,256***	***29***	***4,031***	***3,160***	***409,291***	***1,520***	***23.5***	***22***	
1	Trung Minh	26/5/2019	12/8/2019	**37**		3		14											109	8		64	37	109	8		64	37	6,216	47	2.252		
2	Hoàng Khai	26/5/2019	14/9/2019	3	1	11	2	151	3	2		1		3	2		1		1,284	240	5	475	564	1,284	240	5	475	564	45,596	58	0,3	4	
3	Kim Phú	26/5/2019	10-15/9/2019	2		25	4	327	18	2		13	3	18	2		13	3	2,000	321	10	747	922	2,000	321	10	747	922	84,335	238	5.00	3	
4	Hùng Lợi	29/5/2019	29/8/2019	19		3		30											231	6		217	8	231	6		217	8	18,875	277	2.070	2	
5	Tiến Bộ	30/5/2019	12/9/2019	5		5		15											216	25		102	89	216	25		102	89	11,722	90	0.35	2	
6	Công Đa	30/5/2019	14/9/2019	3		2	1	6	10			10		10			10		93	7		41	45	93	7		41	45	3,936	10	0.40		
7	Tứ Quận	30/5/2019	08/9/2019	9		9		50											992	115	4	667	206	992	115	4	667	206	71,933	90	0.70		
8	Thắng Quân	31/5/2019	15/9/2019	2		12	2	114	2	2				2	2				1,160	146	1	681	332	1,160	146	1	681	332	60,006	113	0.30	2	
9	Nhữ Hán	7/6/2019	11/9/2019	6		6		16											181	30		86	65	181	30		86	65	8,978	79	0.30	4	
10	Thái Bình	9/6/2019	24/8/2019	24		3		8											71	7		54	10	71	7		54	10	2,653	10	0.30	1	
11	Trung Môn	12/6/2019	15/9/2019	2	1	9	2	61	5	2		3		5	2		3		452	96	3	164	189	452	96	3	164	189	21,888	70	0.15		
12	Chân Sơn	19/6/2019	15/9/2019	2		8	9	51	20	9		1	10	20	9		1	10	295	62		74	159	295	62		74	159	10,441.5		0.165		
13	Lang Quán	24/6/2019	14/9/2019	3		11	3	90	7	3		4		7	3		4		529	95	4	199	231	529	95	4	199	231	24,578	84	0.10	1	
14	Đội Bình	27/6/2019	27/6/2019	**82**		1		1											5			5		5			5		102	44	0.05		
15	Nhữ Khê	27/6/2019	01/9/2019	16		4		4											93	12		45	36	93	12		45	36	3,938	112	10.52	2	

TT	Đơn vị	Ngày phát hiện bệnh, nghi bệnh đầu tiên	Ngày có ca bệnh mới/cuối cùng	Số ngày không có ca bệnh mới	Số thôn có dịch		Số hộ có dịch		Số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy phát sinh trong ngày báo cáo										Lũy kế mắc bệnh, chết và tiêu hủy đến ngày báo cáo										Trọng lượng tiêu hủy (kg)	Kết quả hoạt động phòng, chống dịch			
									Số mắc bệnh					Số tiêu hủy					Số mắc bệnh					Số tiêu hủy						Hóa chất (lít)	Vôi bột (tấn)	Chốt kiểm dịch tạm thời	Tổ cơ động
									Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó								
					T.kỳ	Lũy kế	T.kỳ	Lũy kế		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con					
16	Phú Lâm	05/7/2019	12-16/8/2019	1	2	8	2	18	21	2		8	11	21	2		8	11	136	14		96	26	136	14		96	26	7,584	80	0.150		
17	Kim Quan	20/7/2019	01/9/2019	16		4		14											81	5		56	20	81	5		56	20	3,928	80	0.150		
18	Xuân Vân	22/7/2019	16/9/2019	1		7	2	58	10	1		9		10	1		9		299	45	1	121	132	299	45	1	121	132	14,072			1	
19	Phú Thịnh	29/7/2019	12/8/2019	**36**		1		6											48	5		6	37	48	5		6	37	1,222	3	0.100		
20	TT.Tân Bình	07/8/2019	07/8/2019	**41**		1		1											18	2			16	18	2			16	354	3	0.100		
21	Đạo Viện	08/8/2019	26/8/2019	22		1		3											22			22		22			22		1,086	6	0.100		
22	Tân Long	16/8/2019	10/9/2019	7		3		6											29	3		23	3	29	3		23	3	1,268	3	0.005		
23	Tân Tiến	21/8/2019	04/8/2019	13		2		2											27			27		27			27		693	2	0.005		
24	Quý Quân	22/8/2019	12/9/2019	5		2		6											38	2		14	22	38	2		14	22	1,227	4	0.100		
25	Chiêu Yên	30/8/2019	30/8/2019	18		1		1											11				11	11				11	177	3	0.006		
26	Mỹ Bằng	01/9/2019	01/9/2019	16		1		1											9	1		8		9	1		8		559	5	0.100		
27	Trung Sơn	06/9/2019	08/9/2019	9		1		1											29	8	1	20		29	8	1	20		1,119	3	0.004		
28	Lực Hành	12/9/2019	12/9/2019	5	1	1	2	2	18	1		17		18	1		17		18	1		17		18	1		17		804	6	0.008		
V	***TP. Tuyên Quang***	***12 xã***		1	***1***	***86***	***26***	***402***	***87***	***27***		***31***	***29***	***87***	***27***		***31***	***29***	***2,251***	***397***	***5***	***1,197***	***652***	***2,251***	***397***	***5***	***1,197***	***652***	***122,742***	***988***	***5***	***15***	
1	An Tường	28/5/2019	15-16/9/2019	1	1	14	12	128	26	11		7	8	26	11		7	8	481	138	1	228	114	481	138	1	228	114	34,230	198	0.50	2	
2	Nông Tiến	31/5/2019	30/8/2019	18		6		21											173	15		125	33	173	15		125	33	7,959	117	0.45	2	
3	Hưng Thành	02/6/2019	16/9/2019	1		8	1	34	1	1				1	1				336	52	1	246	37	336	52	1	246	37	21,447	132	1.00		
4	Thái Long	09/6/2019	15/9/2019	2		3		14											82	23		51	8	82	23		51	8	6,102	129	2.00		
5	Tân Hà	10/6/2019	15/9/2019	2		9	1	13	1	1				1	1				91	7		61	23	91	7		61	23	5,278	105	0.105		
6	An Khang	10/6/2019	16/9/2019	1		8	1	33	1	1				1	1				266	32	1	132	101	266	32	1	132	101	10,421	229	0.50	2	
7	Ỷ La	11/6/2019	14-16/9/2019	1		9	2	51	25	4		21		25	4		21		327	36		166	125	327	36		166	125	17,459	78	0.40	9	
8	Minh Xuân	28/6/2019	08/9/2019	9		5		5											47	5		33	9	47	5		33	9	2,302				
9	Tràng Đà	07/7/2019	14-15/9/2019	2		2	2	5	2	2				2	2				13	2		11		13	2		11		878				
10	Phan Thiết	16/7/2019	17-18/7/2019	**30**		2		2											11			11		11			11		440				
11	Lưỡng Vượng	27/7/2019	15-16/9/2019	1		8	5	30	18	5		3	10	18	5		3	10	126	32		20	74	126	32		20	74	4,798				
12	Đội Cấn	30/7/2019	13-16/9/2019	1		12	2	66	13	2			11	13	2			11	298	55	2	113	128	298	55	2	113	128	11,428				
VI	***Lâm Bình***	***6 Xã***		**1**		***35***	***6***	***208***	***20***	***3***		***5***	***12***	***20***	***3***		***5***	***12***	***1,044***	***106***	***10***	***662***	***266***	***1,044***	***106***	***10***	***662***	***266***	***36,176***	***2,842***	***6.02***	***2***	
1	Lăng Can	05/6/2019	12-15/9/19	2		10		31											116	9		85	22	116	9		85	22	3,757	521			
S	Khuôn Hà	9/6/2019	13-14/9/2019	3		11	3	73	9	1		4	4	9	1		4	4	343	38	1	197	107	343	38	1	197	107	11,982	605	3		
3	Thượng Lâm	11/6/2019	16/9/2019	1		7	2	78	10	1		1	8	10	1		1	8	461	43	8	291	119	461	43	8	291	119	15,229	547	1.5		

TT	Đơn vị	Ngày phát hiện bệnh, nghi bệnh đầu tiên	Ngày có ca bệnh mới/cuối cùng	Số ngày không có ca bệnh mới	Số thôn có dịch		Số hộ có dịch		Số lợn mắc bệnh, chết và tiêu hủy phát sinh trong ngày báo cáo										Lũy kế mắc bệnh, chết và tiêu hủy đến ngày báo cáo										Trọng lượng tiêu hủy (kg)	Kết quả hoạt động phòng, chống dịch			
									Số mắc bệnh					Số tiêu hủy					Số mắc bệnh					Số tiêu hủy						Hóa chất (lít)	Vôi bột (tấn)	Chốt kiểm dịch tạm thời	Tổ cơ động
									Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó				Tổng (con)	Trong đó								
					T.kỳ	Lũy kế	T.kỳ	Lũy kế		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con		Lợn nái	Đực giống	Lợn thịt	Lợn con					
4	Xuân Lập	26/6/2019	28/6/2019	**81**		1		2											9	1	1	1	6	9	1	1	1	6	131	198	1		
5	Thổ Bình	10/8/2019	15/9/2019	2		5	1	21	1	1				1	1				98	12		82	4	98	12		82	4	4,688	206	0.12		
6	Phúc Yên	12/9/2019	13/9/2019	4		1		3											17	3		6	8	17	3		6	8	389	155			
VII	***Na Hang***	***4 Xã***		**1**		***6***		***16***											***82***	***9***		***65***	***8***	***82***	***9***		***65***	***8***	***3,594***	***188***	***0.800***	***2***	
1	Năng Khả	15/6/2019	28/6/2019	**81**		3		9											49	6		43		49	6		43		2,488	132	0.5	2.0	
2	Yên Hoa	19/6/2019	28/6/2019	**81**		1		2											8			8		8			8		305.5	31	0.20		
3	TT Na Hang	09/7/2019	10/7/2019	**68**		1		1											1	1				1	1				150	5	0.050		
4	Thượng Nông	11/7/2019	30/7/2019	**61**		1		4											24	2		14	8	24	2		14	8	650	20	0.050		

1. Mô tả diễn biến dịch trong ngày:

- Trong kỳ tăng **02** xã *(Trung Hòa, Lực Hành)* **13** thôn, **84** hộ; Tổng số **114** xã, **550** thôn và **2.483** hộ chăn nuôi xuất hiện bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Số lợn tiêu hủy **20.288** con; trọng lượng **992.792** kg. Trong đó:

+ Các xã chưa qua **30** ngày gồm **60** xã. Số lợn tiêu hủy **14.786**con; trọng lượng **727.111** kg.

+ Các xã qua **30** ngày: **28** xã, gồm có: Yên Nguyên, Tri Phú, Hòa Phú, Tân Mỹ, Vinh Quang, Ngọc Hội *(H. Chiêm Hóa)* ;Tân Thành, Nhân Mục, Minh Dân *(H. Hàm Yên)* ; Phú Lương, Vân Sơn, Hồng Lạc, Lâm Xuyên, Bình Yên, Tam Đa, Hào Phú, Ninh Lai, Lương Thiện, Phú Thịnh *(H. Sơn Dương)* ; Đội Bình, TT Tân Bình, Trung Minh *(H.Yên Sơn)* ; Xuân lập *(H. Lâm Bình)* ; Năng Khả, Yên Hoa, TT. Na Hang, Thượng Nông *(H. Na Hang)* ; P. Phan Thiết *(TP. Tuyên Quang)* Số lợn tiêu hủy **1.543** con; trọng lượng **71.775** kg.

+ Các xã qua **30** ngày phát sinh ổ dịch mới: **26** xã, gồm: Trung Yên, Hợp Thành, Tú Thịnh, Quyết Thắng, Sơn Nam, Đại Phú, Thanh Phát, Văn Phú, TT. Sơn Dương, Chi Thiết, Tuân Lộ *(H. Sơn Dương)* ; Thái Bình, Công Đa, Tiến Bộ, Nhữ Khê *(Yên Sơn)*; Phúc Sơn, Hùng Mỹ; TT Vĩnh Lộc *(Chiêm Hóa)* ; Yên Thuận, TT Tân Yên *(H. Hàm Yên)* ; Thượng Lâm, Lăng Can *(Lâm Bình)* ; P. Minh Xuân , Hưng Thành, Nông Tiến, Tràng Đà *(TP. Tuyên Quang)* . Số lợn tiêu hủy **3.959** con; trọng lượng **193.906** kg.

- Có **06** xã công bố hết Dịch gồm: Xuân Lập, Lăng Can (H. Lâm Bình),Yên Hoa, TT. Na Hang, Thượng Nông, Năng Khả (Na Hang).

- Tiếp tục phát hiện lợn dương tính với bệnh Dịch tả Châu Phi; Tiến hành lấy mẫu bệnh phẩm để xác minh Bệnh Dịch tả Châu Phi đối với các điểm mới phát sinh (Tổng số mẫu đã lấy: **1.023** mẫu, trong đó: Dương tính: **578** mẫu, âm tính **455** mẫu)

2. Nhận định tình hình dịch: Nguy cơ phát sinh, lây lan thêm các ổ dịch mới là rất cao.

3. Các biện pháp chỉ đạo:

- Biện pháp kỹ thuật: Đã thực hiện việc tiêu hủy toàn bộ số lợn của các hộ chăn nuôi có kết quả dương tính với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Thực hiện việc vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường; thành lập các chốt kiểm dịch động vật thực hiện nghiêm túc công tác kiểm dịch vân chuyển, kiểm soát giết mổ lợn và giám sát chặt chẽ diễn biến tình hình đàn lợn trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản chỉ đạo: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các sở, ngành chức năng đã ban hành các văn bản chỉ đạo công tác phòng chống bệnh DTLCP.

- Quyết định công bố dịch: UBND các huyện, thành phố có ổ dịch mới phát sinh tiến hành các thủ tục công bố Dịch theo quy định của Luật Thú y.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Đại Thành

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Giám đốc Sở (Báo cáo);
- Các thành viên BCĐ PCDB động vật tỉnh theo QĐ 190 (Phối hợp);
- Các Phó giám đốc;
- Uy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Phòng KH-TC Sở;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- Lưu: VT.